TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHƯỚC** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 26/8/2022
V/v tranh chấp *"xin ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Chí Khanh**

Các hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Tấn Phúc**

Bà **Trần Thị Thu Thảo**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lê Minh Thành** – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 26 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Phước mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 124/2022/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2022 về tranh chấp "xin ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2022/QĐXX-ST ngày 01 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2022/QĐST-HNGĐ ngày 16/8/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lê Thị Ngọc L**, sinh năm 1985

Địa chỉ: Khu phố A, Phường C, thành phố M, tỉnh T.

2. Bị đơn: Anh **Trần Quốc T,** sinh năm 1980

Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện T, tỉnh T.

- Chị L có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.
- Anh T vắng mặt không lý do dù được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, Bản tự khai cùng ngày 21/6/2022 nguyên đơn chị Lê Thị Ngọc L trình bày: Tôi và anh Trần Quốc T cưới nhau vào năm 2006, có quen biết tìm hiểu trước và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường C, thành phố M vào ngày 04/8/2006. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, bất đồng, thường hay cải vã. Lý do, do anh T thường xuyên cờ bạc, rượu chè, mượn nợ khắp nơi, không

quan tâm chăm sóc vợ con, không lo cho gia đình. Tôi đã đứng ra trả nợ thay cho anh T nhiều lần nhưng anh T vẫn không sửa đổi. Đến năm 2021 anh T tiếp tục cờ bạc và gây ra nợ nần quá lớn nên tôi không thể nào tiếp tục chung sống với anh T được nữa và ly thân từ tháng 4/2022 cho đến nay. Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Lê Quốc H, sinh ngày 08/3/2007 và Trần Lê Nhã T, sinh ngày 20/7/2014, hiện đang sống cùng tôi.

Nay tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Trần Quốc T; Về con chung: yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung cháu H và T. Không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung; Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: không có.

Ngày 28/7/2022 nguyên đơn chị Lê Thị Ngọc L có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

- Bị đơn anh Trần Quốc T đã được Tòa án thông báo về yêu cầu khởi kiện của chị L và cũng được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần để hòa giải nhưng anh T vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản, ý kiến trả lời theo thông báo của Tòa án.

* Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn chị Lê Thị Ngọc L và bị đơn anh Trần Quốc T vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Hội đồng xét thấy theo đơn khởi kiện và yêu cầu của chị Lê Thị Ngọc L tại phiên tòa, thì chị L khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tân Phước giải quyết cho chị được ly hôn anh Trần Quốc Tg. Anh Trần Quốc T hiện cư trú tại xã H, huyện T, tỉnh T. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước theo qui định tại Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp "Ly hôn" qui định tại Khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử xét thấy nguyên đơn chị Lê Thị Ngọc L có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn anh Trần Quốc T không có yêu cầu phản tố và đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần để xét xử nhưng anh T vẫn vắng mặt hai lần không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn chị Lê Thị Ngọc L và bị đơn anh Trần Quốc T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Tại phiên tòa hôm nay chị Lê Thị Ngọc L yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Quốc T. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Ngọc L. Hội đồng xét xử xét thấy chị L và anh T cưới nhau vào năm 2006, có quen biết tìm hiểu trước và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường C, thành phố M vào ngày 04/8/2006. Chị L xác định sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, bất đồng, thường hay cải vã. Lý do, do anh T thường xuyên cờ bạc, rượu chè, mượn nợ khắp nơi, không quan tâm chăm sóc vợ con, không lo cho gia đình. Chị đã đứng ra trả nợ thay cho anh T nhiều lần nhưng anh T vẫn không sửa đổi. Đến năm 2021 anh T tiếp tục cờ bạc và gây ra nợ nần quá lớn

nên chị không thể nào tiếp tục chung sống với anh T được nữa và ly thân từ tháng 4/2022 cho đến nay, thời gian ly thân vợ chồng không hàn gắn được gì. Hội đồng xét xử xét thấy thực tế trong thời gian chung sống anh T không quan tâm chăm sóc vợ con, không lo cho gia đình mà thường xuyên cờ bạc, rượu chè gây nợ nần, thời gian ly thân nhau, chị L và anh T cũng không có một động thái nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Quá trình giải quyết vụ án chị L cương quyết được xin ly hôn đối với anh T vì tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Theo tờ tự khai của ông Lê văn Đ là cha ruột của chị Lthì chị L và anh T có mâu thuẫn, anh T không quan tâm chăm sóc vợ con, không lo cho gia đình mà thường xuyên cờ bạc, rượu chè gây nợ nần. Bị đơn anh Trần Quốc T đã được Tòa án thông báo về yêu cầu khởi kiện của chị L và cũng được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần để hòa giải nhưng anh T vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản, ý kiến trả lời theo thông báo của Tòa án. Anh T đã được Tòa án thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ nhưng anh vẫn không có ý kiến. Như vậy chứng tỏ anh T đã không có tình cảm đối với chị L. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh T là đã trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận cho chị Lê Thị Ngọc L được ly hôn anh Trần Quốc T là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị L và anh T có 02 chung là cháu Trần Lê Quốc H, sinh ngày 08/3/2007 và Trần Lê Nhã T, sinh ngày 20/7/2014, hiện hai cháu đang sống cùng chị L. Quá trình giải quyết vụ án chị L yêu cầu tiếp tục nuôi con chung. Anh T cũng không có yêu cầu nuôi con chung. Lời khai của cháu H và T yêu cầu được sống với mẹ, chị L cũng có đủ điều kiện để nuôi con. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cho chị L tiếp tục nuôi cháu H và cháu T là đảm bảo cuộc sống cho cháu.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Quá trình giải quyết vụ án chị L không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị L xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về nợ chung: Chị L xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí: Chị L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo qui định tại Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

- Chấp nhận cho chị Lê Thị Ngọc L được ly hôn với anh Trần Quốc T.

2. Về con chung:

- Giao cho chị Lê Thị Ngọc L được tiếp tục nuôi 02 con chung giữa chị và anh Trần Quốc T là cháu Trần Lê Quốc H, sinh ngày 08/3/2007 và Trần Lê Nhã T, sinh ngày 20/7/2014.

Anh Trần Quốc T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị L chưa có yêu cầu.

Anh Trần Quốc T có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền tranh cản.

3. Về án phí:

Chị Lê Thị Ngọc L phải chịu 300.000đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp 300.000đồng theo biên lai thu số 0003145 ngày 24/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang, xem như chị L thi hành xong tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Chị L và anh T được thực hiện quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tống đạt hợp lệ bản án hoặc niêm yết công khai, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Chí Khanh

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phước;
- Chi cục THADS huyện Tân Phước;
- UBND Phường C, thành phố M;
- Các đương sự:
  + Lê Thị Ngọc L
  + Trần Quốc T
- Lưu.